

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày 25/01/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga, Ông Nguyễn Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa: Ông Lâm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Thành T, sinh năm 1991 (*có mặt*).

Địa chỉ: TDP 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Đồng bị đơn: Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1990; Bà Huyền Tôn Nữ Kim C, sinh năm 1952 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: TDP 2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Mai Thành T trình bày:

Vào ngày 26/9/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Mai P anh có cho

bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ vay số tiền gốc là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày vay (từ ngày 26/9/2022 đến ngày 26/9/2023). Lãi suất hai bên thoả thuận trong giấy vay mượn tiền là 20%/năm tức là 1,66%/tháng. Tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn trả tiền nhưng bà Huyền Tôn Nữ Kim C, anh Huỳnh Văn Đ vẫn không trả tiền gốc và lãi như đã thoả thuận. Do đó, anh yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ phải trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh tạm tính 99.600.000 đồng (*Chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền gốc và lãi là 599.600.000 đồng (*Năm trăm chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) và trả làm một lần cho anh.

Quá trình tham gia tố tụng, bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2023 bị đơn anh Huỳnh Văn Đ trình bày:

Đối với số tiền 500.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) trong Hợp đồng vay tiền lập ngày 26/9/2022 anh là người làm chứng giữa việc anh Mai Thành T cho mẹ anh là bà Huyền Tôn Nữ Kim C, anh cũng thừa nhận trong hợp đồng vay tiền đúng là chữ ký chữ viết tên của anh, anh không biết lãi suất thoả thuận bao nhiêu % trên tháng, chỉ biết là mỗi tháng đóng lãi cho anh T là 38.000.000đ (*ba mươi tám triệu đồng*). Mặc dù anh có ký giấy mượn tiền nhưng anh không có nhận tiền từ anh T, anh không có mượn tiền của anh T, vì không hiểu biết pháp luật nên họ bảo ký vào hợp đồng vay tiền thì anh ký thôi nên việc anh Mai Thành T kiện buộc anh phải trả số tiền gốc 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh tạm tính 99.600.000 đồng (*Chín mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng*) thì anh không đồng ý vì anh không có vay của anh T.

Quá trình tham gia tố tụng, bản tự khai bị đơn bà Huyền Tôn Nữ Kim C trình bày:

Bà có vay của anh Mai Thành T số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) và có cả con trai bà là anh Huỳnh Văn Đ, hợp đồng vay có công chứng chứng cứ thực ghi đúng ngày 26/9/2022. Mỗi tháng đóng góp 32.000.000đ (*ba mươi hai triệu đồng*) tiền lãi, khi đóng tiền thì có con trai Huỳnh Văn Đ, Huỳnh Văn Trường S và con gái Huỳnh Thị Nhật T góp trả cho anh T. Bà trả góp đến ngày 30/3/2023 là không góp nữa vì làm ăn thất bại, buôn bán ế ẩm. Tổng số tiền lãi góp là 10 tháng với số tiền 320.000.000 đồng. Nay anh T yêu cầu bà và con Trai Huỳnh Văn Đ trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì bà có nguyện vọng mỗi

tháng trả 5.000.000 đồng còn tiền lãi tạo điều kiện trả lãi theo lãi suất Ngân hàng. Vì bây giờ bà cũng tuổi cao, công việc làm ăn thất bại.

Toà án cũng đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ. Tuy nhiên anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà C vắng mặt không có lý do, nên không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị HĐXX xem xét buộc anh Huỳnh Văn Đ, bà Huyền Tôn Nữ Kim C liên đới trả cho anh số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, còn tiền lãi anh T thay đổi yêu cầu của mình đề nghị HĐXX xem xét chỉ tính lãi 10%/năm tức là 0,83%/tháng tính từ ngày 26/9/2022 đến ngày xét xử 25/01/2024 là 16 tháng với số tiền lãi là 66.400.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*) .

Tại phiên tòa bị đơn bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định mối quan hệ tranh chấp, những người tham gia tố tụng đúng, đủ; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu Thẩm phán đã chấp hành đúng với quy định tại Điều 48 BLTTDS và tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ án theo đúng quy định của BLTTDS; Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục tổng đạt được đảm bảo đúng các quy định của BLTTDS về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với đồng bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Thành T. Buộc bị đơn bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Mai Thành T số tiền gốc 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*), tiền lãi là 66.400.000 đồng và tiếp tục trả lãi đến khi trả hết nợ gốc.

Về án phí: Bị đơn anh Huỳnh Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo

quy định của pháp luật. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn bà Huyền Tôn Nữ Kim C theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn anh Mai Thành T và bị đơn bà Huyền Tôn Nữ Kim C, anh Huỳnh Văn Đ có địa chỉ thường trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Các văn bản tố tụng đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Vào ngày 26/9/2022 anh Mai Thành T có cho bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ vay số tiền 500.000.000 đồng. Khi vay hai bên làm hợp đồng vay tiền có bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ ký nhận, có công chứng chứng thực tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Mai P, có thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật, thời hạn vay là 01 năm, thời hạn trả nợ là ngày 26/9/2023. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà C và anh Đ vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù anh T cũng đã tạo điều kiện nhưng anh Đ, bà C vẫn cố tình không trả. Nay anh T yêu cầu giải quyết buộc bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ trả toàn bộ số tiền gốc là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) cùng lãi suất phát sinh. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của anh Mai Thành T là “Hợp đồng vay tiền” lập ngày 26/9/2022 do anh T cung cấp có chữ ký của bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ, có công chứng chứng thực. Do đó, có cơ sở xác định giữa anh Mai Thành T và bà Huyền Tôn Nữ Kim C, anh Huỳnh Văn Đ đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4]. Quá trình thu thập chứng cứ: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C và anh Đ, qua lời khai của anh Đ và bà C cũng thừa nhận trong Hợp đồng vay tiền là chữ ký chữ viết của mình, anh Đ khai mình là người làm chứng, bà C cũng thừa nhận là bà và con bà có ký hợp đồng vay số tiền của anh T là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*). Ngày 30/11/2023 Tòa án nhân dân huyện Krông Bông đã ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc anh Đ khai mình chỉ là người làm chứng, cung cấp chứng cứ về việc mẹ anh có trả lãi cho anh T số tiền 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*) mỗi tháng, còn bà C khai đã trả cho anh T mỗi tháng 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*) tiền lãi, tổng cộng bà đã trả được 10 tháng với số tiền 320.000.000 đồng (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*). Tuy nhiên đã hết thời hạn nhưng anh Đ không cung cấp được chứng cứ về việc anh là người làm chứng, bà C và anh Đ cũng không cung cấp được chứng cứ về việc trả tiền lãi cho anh T. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, do không cung cấp được chứng cứ nên được xem là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, do đó phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử xác định bà C và anh Đ còn nợ anh T số tiền nợ gốc tính đến ngày 25/01/2024 là 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*) và không có cơ sở chấp nhận về việc bà C, anh Đ đã trả lãi cho anh T.

Đối với tờ hợp đồng vay tiền mà nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ có công chứng chứng thực, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chứng cứ nguyên đơn cung cấp là hợp lệ và đủ cơ sở để khẳng định bà Huyền Tôn Nữ Kim C và anh Huỳnh Văn Đ có nợ anh Mai Thành T số tiền 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) tiền gốc.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”. Xét thấy anh Đ, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc bà C và anh Đ trả cho anh T số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*).

[5]. Về tiền lãi: Anh T trình bày trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án có cho anh Đ và bà C vay tiền với lãi suất là 1,66%/tháng. Do đó, hợp đồng vay tài sản giữa anh Mai Thành T, anh Huỳnh Văn Đ, bà Huyền Tôn Nữ Kim C là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Tuy nhiên, trong Hợp đồng vay tiền không ghi rõ lãi suất bao nhiêu %/tháng mà chỉ ghi lãi suất tính theo quy định của

pháp luật nên trong đơn anh T yêu cầu anh Đ, bà C trả lãi 1,66%/tháng, nhưng tại phiên toà hôm nay anh T chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm (tức là 0,83%/tháng). Do hợp đồng giữa các bên được xác lập vào ngày 26/9/2022 đang được thực hiện và có lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng anh Đ, bà C vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù anh T cũng đã tạo điều kiện nhưng bà C, anh Đ vẫn cố tình không trả. Nay anh T yêu cầu giải quyết buộc anh Đ, bà C trả toàn bộ số tiền gốc là 500.000.000 đồng và lãi suất do anh Đ, bà đã vi phạm thời hạn trả nợ tạm tính từ ngày 26/9/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm$ (tức 0,83%/tháng) = 66.400.000 đồng, và tiếp tục trả lãi từ 26/01/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc là đúng quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Trong giấy mượn tiền các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc. Do đó, lãi chậm trả đối với tiền nợ gốc sau khi xét xử được tính kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6]. Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bị đơn bà Huyền Tôn Nữ Kim C đề nghị được trả dần số nợ 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ gốc, tính tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng nhưng không được nguyên đơn anh T đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận. Việc đồng bị đơn bà C, anh Đ chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng quyền lợi của bên có quyền và theo quy định của pháp luật cũng không có quy định cho trả dần. Do đó, đề nghị này của bà C không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị

đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 26.656.000 đồng (anh Đ và bà C mỗi người phải chịu 13.328.000 đồng). Tuy nhiên, bà C là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm án phí thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền án phí. Vì vậy, miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huyền Tôn Nữ Kim C.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266; 267; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463; Điều 466, khoản 1 Điều 468; khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2, khoản 9 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Mai Thành T. Về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh Huỳnh Văn Đ và bà Huyền Tôn Nữ Kim C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Mai Thành T tổng số tiền 566.400.000 đồng (*năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*), trong đó:

- Về tổng số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*).

- Về nợ tiền lãi: 66.400.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; nếu không có thỏa thuận thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Theo quy định tại điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Huỳnh Văn Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là

13.328.000 đồng (*Mười ba triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Huyền Tôn Nữ Kim C theo quy định của pháp luật.

Anh Mai Thành T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.992.000đ (*mười ba triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2023/0003427 ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS huyện Krông Bông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Việt Hưng